

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3883** /BNN-TC

V/v hướng dẫn xây dựng phương án tự
chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp
kinh tế, sự nghiệp khác.

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế
và sự nghiệp khác thuộc Bộ.



Thực hiện Thông báo số 3031/TB-BNN-VP ngày 20/4/2018 ý kiến của
Thứ trưởng thường trực Hà Công Tuấn kết luận Hội nghị quán triệt triển khai kế
hoạch, chương trình hành động của Ban cán sự đảng Bộ về thực hiện Nghị quyết
số 18, 19-NQ/TW. Tiếp theo Công văn số 2330/BNN-TC ngày 26/3/2018 về việc
xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2018-2020. Căn cứ Thông tư
145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự
nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính
phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp
kinh tế và sự nghiệp khác. Để đảm bảo xây việc dựng phương án tự chủ tài chính
hiệu quả, chất lượng và thống nhất, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
hướng dẫn như sau:

**1. Đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trực thuộc
Bộ hoặc đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trực thuộc các Tổng cục,
Cục và Văn phòng Bộ (đơn vị sử dụng ngân sách):**

Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2018 - 2020; lập dự toán
thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định (năm 2018) và đề xuất phân loại mức độ tự chủ
tài chính của đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao cung cấp dịch
vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị theo
Phụ lục số 2 Thông tư 145 gửi cho cơ quan cấp trên trực tiếp (sau đây gọi là Hồ
sơ Phương án tự chủ), *bao gồm:*

- Thuyết minh Phương án tự chủ theo Phụ lục số 2 Thông tư 145;
- Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 2: Dự toán thu, chi ngân sách nhà
nước ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định
phân loại (năm 2018);
- Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 2: Dự toán chi tiết kinh phí ngân sách
nhà nước đặt hàng, giao cung cấp dịch vụ sự nghiệp công năm 2018 (nếu có);
- Biểu báo cáo 03 kèm theo Phụ lục số 2: Kinh phí ngân sách nhà nước đặt

hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2018) (nếu có);

- Biểu báo cáo 04 kèm theo Phụ lục số 2: Dự toán thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác và phí, lệ phí ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2018) (nếu có).

(Chi tiết hướng dẫn xây dựng Phương án tự chủ theo Phụ lục đính kèm)

2. Đối với các Tổng cục, Cục và Văn phòng Bộ có đơn vị trực thuộc:

Căn cứ phương án tự chủ tài chính do các đơn vị trực thuộc đề xuất, Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp trên thực hiện việc xem xét, tổng hợp và thẩm định phương án phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi của các đơn vị, bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp phương án phân loại tự chủ tài chính và dự toán thu, chi của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác giai đoạn 2018 - 2020 theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư 145 (kèm theo Hồ sơ phương án tự chủ của đơn vị trực thuộc nêu trên);

- Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 3: Biểu tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2018);

- Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 3: Biểu tổng hợp thu, chi và phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2018);

- Biểu báo cáo 03 kèm theo Phụ lục số 3: Biểu tổng hợp thu, chi theo nguồn tài chính của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác ba năm trước liền kề (2015, 2016, 2017) và dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (năm 2018).

Đề nghị các đơn vị sử dụng ngân sách khẩn trương xây dựng, gửi Hồ sơ phương án tự chủ tài chính về Bộ (đối với đơn vị trực thuộc Bộ) hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp của đơn vị (các Tổng cục, Cục, Văn phòng Bộ) trước **ngày 30/5/2018**. Các Tổng cục, Cục và Văn phòng Bộ xem xét, tổng hợp phương án phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi của các đơn vị trực thuộc gửi Bộ (Vụ Tài chính) trước **ngày 07/6/2018** để chủ trì thẩm định, tổng hợp gửi Bộ Tài chính có ý kiến và trình Bộ trưởng phê duyệt quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị.

Quá thời hạn nêu trên các Tổng cục, Cục, Văn phòng Bộ và các đơn vị trực thuộc Bộ không gửi đủ hồ sơ Phương án tự chủ tài chính về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tài chính) thì Bộ sẽ không tổ chức thẩm định Phương án tự chủ tài chính của đơn vị và thủ trưởng đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Vụ TCCB (p/h);
- Lưu VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Hà

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC

(Kèm theo Công văn số 3883 /BNN-TC ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Tài liệu Phương án tự chủ của các đơn vị

Để phục vụ cho việc thẩm định, Hồ sơ Phương án tự chủ của các đơn vị gửi cho đơn vị cấp trên trực tiếp phải kèm các tài liệu sau:

- Tờ trình phê duyệt phương án tự chủ;
- Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;
- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt biên chế cho đơn vị. Đối với cán bộ hợp đồng, bổ sung danh sách cán bộ Hợp đồng có thời gian ký hợp đồng trên 1 năm có xác nhận của thủ trưởng đơn vị (ký và đóng dấu);
- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao quyền tự chủ cho đơn vị theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ;
- Quyết định phê duyệt Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;
- Quyết định giao dự toán 3 năm 2015, 2016, 2017 của cơ quan có thẩm quyền;
- Báo cáo Quyết toán 03 năm liên tiếp 2015, 2016 và 2017 kèm theo Thông báo quyết toán của cấp trên;
- Các quyết định về giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (nếu có);
- Bảng tính khấu hao TSCĐ của đơn vị.
- Đối với Tổng cục, Cục và Văn phòng Bộ cần gửi kèm theo Biên bản thẩm định phương án tự chủ của đơn vị cấp dưới.

2. Cách xác định mức độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

2.1. Xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên (khoản 3 Điều 5 Thông tư 145/2017/TT-BTC)

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (\%)} = \frac{\text{Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (1)}}{\text{Tổng số chi thường xuyên (2)}} \times 100\%$$

(1) Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên là các nguồn tại Điểm a, b, d, đ Khoản 1 Điều 5 Thông tư 145/2017/TT-BTC), cụ thể như sau:

a). *Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác* (tương ứng với Điểm 1 – Mục I nguồn thu của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2): Đây là nguồn thu theo chức năng, nhiệm vụ hoạt động của đơn vị và đơn vị tự khai thác theo khả năng của đơn vị;

b). *Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí hoặc chưa tính đủ chi phí* (tương ứng với Điểm 2, điểm 3 (a,b) – Mục I nguồn thu của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2): Chỉ áp dụng đối với các nhiệm vụ nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí và giá chưa tính đủ chi phí trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

d). *Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)* (tương ứng với Điểm 5 – Mục I nguồn thu của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2): theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

đ). *Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)* (tương ứng với Điểm 7 – Mục I nguồn thu của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2) gồm: tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết, lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

(2) Tổng số chi thường xuyên (theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư 145/2017/TT-BTC), bao gồm:

a). *Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương* (tương ứng với Điểm 1 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2): là tiền lương cho cán bộ, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập (kể cả số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên);

b). *Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công* (tương ứng với Điểm 2 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2): sẽ có chi phí cho hoạt động này nếu có nguồn thu từ Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở điểm b nêu trên;

c). *Chi quản lý* (tương ứng với Điểm 5 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2);

d). *Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP* (tương ứng với Điểm 3 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2);

đ). *Chi trích khấu hao tài sản cố định theo quy định* (tương ứng với Điểm 4 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2). Lưu ý các đơn vị có sử dụng tài sản cố định cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ mới có số liệu ở mục này.

e). *Chi thường xuyên khác (nếu có)* (tương ứng với Điểm 6 – Mục II.1 Chi thường xuyên theo nội dung chi của Báo cáo số 01 kèm theo Phụ lục số 2).

2.2. Xác định mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác (Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư 145/2017/TT-BTC)

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức trên lớn hơn 100% và tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức trên bằng hoặc lớn hơn 100%;

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức trên từ trên 10% đến dưới 100%;

- Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là đơn vị có mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo công thức trên từ 10% trở xuống hoặc đơn vị không có nguồn thu.

3. Về xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn thu phí được để lại chi (nếu có) năm đầu thời kỳ ổn định giao tự chủ (năm 2018) (điểm c Khoản 2 Điều 21 Thông tư 145)

- *Đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:* Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị. Đơn vị sử dụng nguồn này cùng với nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) để chi thường xuyên (theo Điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

- *Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:* Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí (không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác) do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (nếu có).

+ Ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm b Khoản 1 Điều 13 và Điểm b Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ đối với trường hợp tại thời điểm thẩm định phương án tự chủ cho đơn vị (cùng với thời gian phân bổ và giao dự toán) xác định được nhiệm vụ và kinh phí đặt hàng, cơ quan chủ quản xác định kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị năm đầu thời kỳ ổn định. Trường hợp nhiệm vụ đặt hàng không nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc đơn giá đặt hàng không theo đúng đơn giá được ban hành, cơ quan tài chính yêu cầu cơ quan chủ quản điều chỉnh lại kinh phí đặt hàng theo quy định.

+ Nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

Cơ quan quản lý cấp trên

Đơn vị...

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN...

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp cấp III báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

- Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên giao chỉ tiêu biên chế (nếu có);

- Căn cứ Quyết định số... của cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ của năm..., chi tiết từng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ; đơn vị báo cáo phương án tự chủ giai đoạn... như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước (trường hợp đơn vị mới thành lập thì không phải đánh giá phần này).

1. Về nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

Trong đó nêu rõ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền; số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng đầu năm/số được cấp có thẩm quyền giao; số thực hiện trong năm; tăng, giảm (báo cáo chi tiết theo từng năm).

Về nhiệm vụ được giao hàng năm (chi tiết từng năm): Kê chi tiết các nhiệm vụ được giao; nhiệm vụ giao cho các đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ đơn vị tự thực hiện. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành, nghiệm thu (chi tiết theo từng nhiệm vụ nêu trên).

2. Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm)

- Về mức thu các khoản phí, lệ phí thu theo quy định của cấp có thẩm quyền; về đơn giá thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) đặt hàng,

giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của cấp có thẩm quyền ban hành; các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định;

- Thu, chi thường xuyên.

- Chênh lệch thu, chi thường xuyên năm trích lập các quỹ.

- Về tổng thu nhập tăng thêm của đơn vị; thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong năm của đơn vị:... đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:... lần (theo từng năm); trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất... triệu đồng/tháng.

3. Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên; chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn kinh phí).

4. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

II. Báo cáo phương án tự chủ giai đoạn tiếp theo

1. Về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng.

Trong đó nêu rõ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền; tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng.

Về nhiệm vụ được giao chi tiết từng nhiệm vụ được giao; trong đó nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN (kê chi tiết từng dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng, giao nhiệm vụ nếu có); nhiệm vụ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; nhiệm vụ thu phí, lệ phí...

2. Về mức thu phí, lệ phí; thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN; thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác.

3. Về dự kiến nguồn tài chính thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (theo biểu kèm theo):

- Nguồn tài chính chi thường xuyên.

- Chi thường xuyên theo nội dung chi và theo các nguồn thu.

- Dự kiến chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ và chi thu nhập tăng thêm (nếu có).

4. Dự toán nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn): Nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết từng loại kinh phí); nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật; nguồn khác.

Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (báo cáo cả dự kiến nguồn thu, chi đầu tư).

5. Xác định mức độ tự chủ tài chính:

Căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính

hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị xác định phân loại đơn vị sự nghiệp là đơn vị...; số kinh phí NSNN bảo đảm chi thường xuyên... triệu đồng (hoặc kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN nếu xác định được tại thời điểm báo cáo; kinh phí ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên (nếu có); kinh phí chi thường xuyên từ nguồn thu phí theo Luật Phí, lệ phí phần được để lại chi thường xuyên theo quy định, tùy theo từng loại hình đơn vị để xác định nguồn kinh phí cho phù hợp).

(Các Biểu số liệu báo cáo kèm theo)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 2
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)
NĂM...

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Ba năm trước liên kế				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		Thực hiện		Năm 2017		
		năm 2015	năm 2016	Dự toán	Ước thực hiện	
A	Nguồn thu, chi thường xuyên	1	2	3	4	5
I	Nguồn thu					
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:					
a	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
b	NSNN hỗ trợ phân chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
4	NSNN cấp chi thường xuyên bộ máy trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)					
5	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)					
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					

TT	Nội dung	Ba năm trước liên kế				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		Thực hiện năm 2015		Năm 2017		
		Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Dự toán	Ước thực hiện	
		1	2	3	4	5
7	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)					
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)					
II	Chi thường xuyên (= II.1 = II.2)					
II.1	Chi thường xuyên theo nội dung chi, gồm					
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công					
3	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí					
4	Trích khấu hao tài sản cố định					
5	Chi quản lý					
6	Chi thường xuyên khác					
7	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên					
II.2	Chi thường xuyên theo các nguồn thu:					
1	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
4	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
5	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (phần để lại chi thường xuyên)					

TT	Nội dung	Ba năm trước liên kế				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		Năm 2017		Dự toán	Ước thực hiện	
		Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016			
		1	2	3	4	5
6	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Chi hoạt động khác (nếu có)					
8	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giao nhiệm vụ (trong trường hợp chưa có danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
III	Mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên (%) * [= Mục I (1 + 2 + 3a + 5 + 7)/(Mục II.1 - số thứ tự 7 Mục II.1)]					
IV	Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: Mục I - Mục II) (không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự 8 mục I, mục II nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)					
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập					
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi					
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)					
V	Thu nhập tăng thêm bình quân của đơn vị					
1	Dưới 01 lần lương				Lần	
2	Từ 1 lần đến 2 lần lương					
3	Từ trên 2 lần đến 3 lần lương					
4	Từ trên 3 lần lương					
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của đơn vị				Triệu đồng/tháng	

Nguyễn Văn...

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề					Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)	
		Thực hiện năm 2015		Thực hiện năm 2016		Năm 2017		
		1	2	3	4	Dự toán		Ước thực hiện
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của đơn vị	1	2	3	4	5		
	Triệu đồng/tháng							
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (Chi tiết theo từng nguồn kinh phí)							

Ghi chú: Biểu báo cáo nêu trên nội dung nào có số liệu mới phải báo cáo.

- Số thứ tự 2, 3 Mục I, số thứ tự 2, 3 Mục II.2, phần A về báo cáo nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Tại thời điểm lập báo cáo, năm nào có số liệu kinh phí mới báo cáo, năm nào chưa xác định được kinh phí đặt hàng thì đơn vị không phải báo cáo.
- Số thứ tự 2 Mục I, số thứ tự 2 Mục II.2, phần A: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí (gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định); đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí (gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý).
- Số thứ tự 3 Mục I, số thứ tự 3 Mục II.2, phần A: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí) báo cáo nguồn NSNN đặt hàng theo giá chưa tính đủ chi phí; ngân sách hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công.
- Số thứ tự 4 Mục I phần A: Số liệu ghi theo Quyết định giao dự toán kinh phí hằng năm (do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).
- Số thứ tự 6 Mục I phần A: Số liệu ghi theo Quyết định giao dự toán kinh phí hằng năm (do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên).
- Mục III: Chi tính mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên cho năm đầu thời kỳ phân loại đơn vị ở cột 5.
- Biểu mẫu báo cáo 01 kèm theo Phụ lục số 02 nêu trên là báo cáo chung; các đơn vị căn cứ nguồn thu, chi của từng loại hình đơn vị quy định từ Điều 12 đến Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, để báo cáo các nội dung ở Biểu 01 nêu trên.

Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 2

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG,
GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
NĂM...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá, Giá đặt hàng	Kinh phí NSNN đặt hàng/giao nhiệm vụ
		1	2	3	4
1	<p>Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)</p> <p>a Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p> <p>b Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p> <p>...</p>				
2	<p>Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý)</p> <p>a Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p> <p>b Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p> <p>...</p>				
3	<p>Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí</p> <p>a Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p> <p>b Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...</p>				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá, Giá đặt hàng	Kinh phí NSNN đặt hàng/giao nhiệm vụ
		1	2	3	4
	...				
4	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quan có thẩm quyền ban hành)				
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...				
	...				

Ghi chú:

Số thứ tự 1: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo.

Số thứ tự 2: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo.

Số thứ tự 3: Đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo.

Số thứ tự 4: Đơn vị báo cáo dịch vụ sự nghiệp công được giao nhiệm vụ chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, cột 3 và cột 4 theo dự toán được phê duyệt.

Tại thời điểm lập báo cáo, chưa xác định được kinh phí NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đơn vị không phải báo cáo.

**KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẠT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ
CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**

(Ba năm trước liền kề và năm đầu thời kỳ ổn định phân loại)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước thực hiện	
1	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	...					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (gồm: chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	...					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					

Mười

TT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước thực hiện	
	NSNN hỗ trợ phân chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
	NSNN hỗ trợ phân chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
	...					
4	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
a	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
b	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công...					
	...					

Ghi chú:

Số thứ tự 1: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo.

Số thứ tự 2: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo.

Số thứ tự 3: đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo.

Tại thời điểm lập báo cáo, năm nào chưa có kinh phí NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đơn vị không phải báo cáo.

DỰ TOÁN THU, CHI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG, DỊCH VỤ KHÁC VÀ PHÍ, LỆ PHÍ
NĂM.....

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn thu (ba năm trước liên kế và năm đầu thời kỳ ôn định phân loại)				Nộp NSNN (ba năm trước liên kế và năm đầu thời kỳ ôn định phân loại, nếu có)				Số để lại chi (ba năm trước liên kế và năm đầu thời kỳ ôn định phân loại)						
		Năm 2017		Dự kiến năm đầu thời kỳ ôn định phân loại (2018)	Năm 2017		Dự kiến năm đầu thời kỳ ôn định phân loại (2018)	Năm 2017		Dự kiến năm đầu thời kỳ ôn định phân loại (2018)						
		TH năm 2015	TH năm 2016		Dự toán	Ước TH		TH năm 2015	TH năm 2016		Dự toán	Ước TH				
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác (chi tiết từng loại dịch vụ) Dịch vụ... Dịch vụ...	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Nguồn phí, lệ phí (chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)															
a	Tổng thu phí, lệ phí															
	Phí...															
	Phí...															
b	Tổng phí được để lại chi, chi tiết:															

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN...

BÁO CÁO

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ DỰ TOÁN THU, CHI CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của giai đoạn trước

1. Đánh giá chung: Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

2. Đánh giá cụ thể:

a) Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc (chi tiết theo từng năm).

b) Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước của các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác như về mức thu các khoản phí, lệ phí thu; các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác; đơn giá nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng; tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị...

c) Về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác trực thuộc *(theo số liệu thực tế tại thời điểm báo cáo)*

Tổng số các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác:..... đơn vị

Trong đó: Số lượng các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được giao tự chủ:..... đơn vị, gồm:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:.... đơn vị
- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:..... đơn vị
- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:..... đơn vị.

d) Về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ (chi tiết theo từng năm)

- Nguồn thu, chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn thu, nội dung chi).

- Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích các quỹ).

- Về tình hình chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động: Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần lương:.... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 lần - 2 lần lương:.... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần lương:.... đơn vị; số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần lương:.... đơn vị. Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là..... đồng/tháng (tên đơn vị). Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là..... đồng/tháng (tên đơn vị).

đ) Nguồn tài chính chi nhiệm vụ không thường xuyên.

e) Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị.

II. Đề xuất phương án phân loại tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác giai đoạn tiếp theo

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên (chi tiết các nguồn).

2. Chi thường xuyên (chi tiết nội dung chi và theo nguồn tài chính).

3. Đề xuất phương án phân loại các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác:

Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác giao tự chủ tài chính giai đoạn tiếp theo:..... đơn vị, gồm:

- Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên:.... đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên:.... đơn vị.

- Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:..... đơn vị.

- Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:..... đơn vị.

(số liệu báo cáo kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC
NĂM...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		TH năm 2015	TH năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước TH	
A	Nguồn thu, chi thường xuyên					
I	Nguồn thu					
1	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí, trong đó:					
a	Nguồn thu từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
b	NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ sự nghiệp công					
4	NSNN cấp chi thường xuyên bộ máy trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)					
5	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (Phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)					
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không					

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		TH năm 2015	TH năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước TH	
	có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)					
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)					
II	Chi thường xuyên (= II.1 = II.2)					
II.1	Chi thường xuyên theo nội dung chi, gồm:					
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công					
3	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí					
4	Trích khấu hao tài sản cố định					
5	Chi quản lý					
6	Chi thường xuyên khác					
7	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên					
II.2	Chi thường xuyên theo các nguồn thu:					
1	Chi từ nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác					
2	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí					
3	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí					
4	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					

STT	Nội dung	Ba năm trước liền kề				Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định phân loại (2018)
		TH năm 2015	TH năm 2016	Năm 2017		
				Dự toán	Ước TH	
5	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (phần để lại chi thường xuyên)					
6	Chi NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)					
7	Chi hoạt động khác (nếu có)					
8	Chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước giao nhiệm vụ (trong trường hợp chưa có danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành)					
III	Phân phối kết quả tài chính trong năm (chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ: I - II)					
	(Không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tại số thứ tự 8 mục I, II nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)					
1	Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập					
3	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi					
4	Trích lập quỹ khác (nếu có)					
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên					
	(Chỉ tiết theo từng nguồn kinh phí)					

Ghi chú: Biểu báo cáo nêu trên nội dung nào có số liệu mới phải báo cáo; năm đầu thời kỳ ổn định phân loại nếu chưa dự kiến được trích lập các quỹ thì không phải báo cáo.

CƠ QUAN...

Biểu báo cáo 02 kèm theo Phụ lục số 3

BIỂU TỔNG HỢP THU, CHI VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN...

(Dùng cho: Đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	Số đơn vị dự kiến giao quyền tự chủ tài chính giải ngân...	Tổng số cán bộ, viên chức năm trước	Tổng số cán bộ, viên chức năm đầu năm kế hoạch	Thực hiện năm trước liên kế																		
						Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên		NSNN		NSNN giao nhiệm vụ công nghiệp (trường hợp chưa có KT-KT và chưa có gói)		Chi thường xuyên		Chi thường xuyên								
		Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	NSNN cấp	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị từ bảo đảm chi thường xuyên)	NSNN giao nhiệm vụ công nghiệp (trường hợp chưa có KT-KT và chưa có gói)	Chi hoạt động chuyên môn	Chi thực hiện công việc, dịch vụ phi lợi nhuận	Chi hoạt động chuyên môn	Chi thực hiện công việc, dịch vụ phi lợi nhuận	Chi hoạt động chuyên môn	Chi thực hiện công việc, dịch vụ phi lợi nhuận	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ công nghiệp (trường hợp chưa có KT-KT và chưa có gói)									
	Tổng số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																							
1	Đơn vị																							
2	Đơn vị																							
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																							
1	Đơn vị																							
2	Đơn vị																							
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước kết cấu đủ chi phí, vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)																							
1	Đơn vị																							
2	Đơn vị																							
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																							
1	Đơn vị																							
2	Đơn vị																							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:
 - Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí ở cột 18 và cột 36 không tính chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương ghi ở cột 16 và cột 34, trích khấu hao TSCD ở cột 19
 - Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương từ nguồn thu phi được để lại chi theo quy định: ghi ở cột 19, cột 37.
 - Trích khấu hao tài sản cố định từ nguồn thu phi được để lại chi theo quy định: ghi ở cột 19, cột 37.
 - Cột 7 và cột 25: Ghi cho đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.
 - Cột 8, 9, 26, 27: Ghi cho đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
 - Cột 14, 22, 32, 40: Ghi cho đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có danh mục, nhưng chưa có danh mục KT-KT và chưa có giá do cấp có thẩm quyền ban hành, theo dự toán được phê duyệt và chi như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên.
 - Tuy cùng loại hình đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có nguồn thu nào ghi vào cột tương ứng ở biểu trên.
 - Cột 41: Chi tính các nguồn thu, chi thường xuyên theo từng loại hình đơn vị sự nghiệp khác, để xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên không có nguồn thu thì ghi rõ là đơn vị được NSNN cấp chi thường xuyên (theo số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Số TT		Tên đơn vị	Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn tiếp theo											Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%)						
			Nguồn tài chính chi thường xuyên				Chi thường xuyên				Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ công, trong đó có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)									
		NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	NSNN hỗ trợ phần chi phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm chi nguồn thu phi để lại chi)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	NSNN giao nhiệm vụ công, dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)	Tổng số	Chi tiến công, chuyên môn, phụ cấp, công cấp, đóng góp theo lương	Chi hoạt động chuyên môn, công cấp dịch vụ và thu phí	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Trích khấu hao tài sản cố định	Chi quản lý	Chi thường xuyên khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ công, trong đó có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)					
		23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41=
I		Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đất tư																		
1		Đơn vị																		
2		Đơn vị																		
II		Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																		
1		Đơn vị																		
2		Đơn vị																		
III		Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công, chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ công cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)																		
1		Đơn vị																		
2		Đơn vị																		
IV		Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu (tấtp))																		
1		Đơn vị																		
2		Đơn vị																		

Số TT	Tên đơn vị	Thực hiện năm trước liền kề															
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên				Chi thường xuyên				Chi thường xuyên							
		Nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng NSNN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự	Nguồn thu NSNN đặt hàng NSNN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự	Nguồn thu phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công, hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan quản ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng NSNN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng NSNN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ sự	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ sự nghiệp công, trong hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan quản ban hành (nếu có)	Chiênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ
	đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																
1	Đơn vị																
2	Đơn vị																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tùy từng loại hình đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có nguồn thu nào mới ghi vào cột tương ứng ở biểu trên.

Số TT	Tên đơn vị	Dự kiến năm đầu thời kỳ ổn định giai đoạn tiếp theo										Chỉnh lịch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ									
		Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên					Chi thường xuyên														
		Nguồn thu hoạt động dịch vụ	Nguồn NSNN đặt hàng dịch vụ	Nguồn thu từ NSNN đặt hàng dịch vụ	NSNN hỗ trợ phân bổ thường xuyên	NSNN cấp chi thường xuyên	NSNN thu hoạt động khác	NSNN giao nhiệm vụ công cấp dịch vụ	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng dịch vụ	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên	Chi từ nguồn NSNN hoạt động khác		Chi từ nguồn NSNN								
	Tổng số	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40=22+23+24+25+26+27+28+29+30+31+32+33+34+35+36+37+38
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ công cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC

**BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG,
CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP HOẶC CƠ QUAN CẤP DƯỚI THEO PHÂN CẤP...**

- Căn cứ Nghị định (Quyết định) số..... ngày.... của..... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của...

- Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ;

- Căn cứ vào ý kiến của (Cơ quan Tài chính...) tại văn bản số... ngày / / về phân loại đơn vị sự nghiệp và mức ngân sách nhà nước cấp...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị...

Điều 2. Đơn vị được phân loại là đơn vị...;

Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định... của đơn vị là... đồng (đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, trường hợp tại thời điểm quyết định giao quyền tự chủ

tài chính xác định được kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ); kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên do nguồn thu phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên nếu có (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác); nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên.

Điều 3. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp và kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên, đặt hàng, giao nhiệm vụ, nguồn thu phí được để lại chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định nêu trên; Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan TC cùng cấp;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)